

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất đợt 4 năm 2023 (các mặt hàng không thuộc TT04/2017/TT-BYT) thuộc dự toán mua sắm Cung ứng hóa chất đợt 4 năm 2023 cho Bệnh viện Ung bướu Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I- Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Ung bướu Nghệ An- 60 Tôn Thất Tùng, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Nguyễn Thị Phương Thảo- Nhân viên khoa Dược

SĐT: 0944.218.495

Địa chỉ email: nguyenphuongthao.bvub@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược Bệnh viện Ung bướu Nghệ An- 60 Tôn Thất Tùng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Nhận qua email: dauthau.bvubna@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 01 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h ngày 09 tháng 8 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2023.

II- Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị)

(chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Địa điểm cung cấp: Khoa Dược– Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (Đ/c: 60. Tôn Thất Tùng – p. Hưng Dũng – Tp. Vinh – Nghệ An).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: cung cấp hàng hoá trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo dự trữ của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, và phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng (365 ngày) kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,KD

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Trí Diễm

Phụ lục 1. Danh mục hàng hóa cần báo giá

STT	Mã HH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	HC01	Bộ kit hiển thị độ nhạy cao, nhuộm hóa mô miễn dịch	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 lọ x 40 mL dạng pha sẵn: Dung dịch đệm Phosphate chứa hydrogen peroxide, NaN₃ và chất tẩy rửa - 3 lọ x 40 mL dạng pha sẵn: Dextran kết hợp với các phân tử peroxidase và các phân tử kháng thể thứ cấp của dê kháng immunoglobulin thỏ và chuột. Trong dung dịch đệm chứa protein ổn định và chất bảo quản - 3 lọ x 3 mL: thành phần: 3,3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride. Màu của hóa chất thay đổi từ tím đậm sang không màu. - Dung dịch đệm: (12 lọ, mỗi lọ 20 mL), Dung dịch đệm chứa hydrogen peroxide và chất bảo quản - Dung dịch bột kháng nguyên: (9 lọ, mỗi lọ 30 mL) dạng cô đặc; đệm Tris/EDTA - Dung dịch đệm: (20x) (4 lọ, mỗi lọ 1 L) dạng cô đặc; Dung dịch Tris-buffered saline chứa Tween 20 - 3 lọ x mỗi lọ 40 mL dạng pha sẵn: Dung dịch đệm chứa protein ổn định và chất kháng khuẩn 	7	Bộ
2	HC02	Bộ kit hiển thị độ nhạy cao, nhuộm hóa mô miễn dịch	<p>Bao gồm: Dung dịch đệm Phosphate chứa hydrogen peroxide, 15 mmol/L NaN₃ và chất tẩy rửa (8 lọ, mỗi lọ 22.5 ml); Dextran kết hợp với các phân tử peroxidase và các phân tử kháng thể thứ cấp của dê kháng immunoglobulin thỏ và chuột. Trong dung dịch đệm chứa protein ổn định và chất bảo quản (8 lọ, mỗi lọ 22.5 ml); Dung dịch 3,3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (8 lọ, mỗi lọ 1ml); Dung dịch đệm chứa hydrogen peroxide và chất bảo quản (16 lọ, mỗi lọ 26 ml); Đệm Tris/EDTA, pH 9, nồng độ 50x (9 lọ, mỗi lọ 68 ml)</p>	1	Bộ

STT	Mã HH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
3	HC03	Dung dịch rửa	Dung dịch muối đệm Tris chứa Tween 20, pH 7,6 ($\pm 0,1$), nồng độ pha loãng 20 lần.	3	Hộp
4	HC04	Dung dịch pha loãng kháng thể	Thành phần: Đệm Tris, pH 7.2, chứa 15 mmol/L sodium azide và protein	1	Lọ
5	HC05	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD45	Kháng thể đơn dòng CD45 LCA dòng 2B11 + PD7/26 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
6	HC06	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch VIMENTIN	Kháng thể đơn dòng Vimentin dòng V9 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
7	HC07	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch EMA	Kháng thể đơn dòng EMA dòng E29 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
8	HC08	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch P53	Kháng thể đơn dòng p53 dòng DO-7 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
9	HC09	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch S100	Kháng thể đa dòng S100 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
10	HC10	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD15	Kháng thể đơn dòng CD15 dòng Carb-3 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
11	HC11	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD30	Kháng thể đơn dòng CD30 dòng Ber-H2 dạng cô đặc 1ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3	1	Lọ
12	HC12	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD117	Kháng thể đa dòng CD117 dạng cô đặc 0,2ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3	1	Lọ
13	HC13	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CK7	Kháng thể đơn dòng CK7 dòng OV-TL 12/30 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	4	Lọ

U

STT	Mã HH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
14	HC14	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch AE1/AE3	Kháng thể đơn dòng CK AE1/AE3 dòng AE1/AE3 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
15	HC15	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch KI67	Kháng thể đơn dòng Ki67 dòng MIB-1 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	6	Lọ
16	HC16	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch TTF1	Kháng thể đơn dòng TTF1 (Thyroid Transcription Factor) dòng 8G7G3/1 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	6	Lọ
17	HC17	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch ER	Kháng thể đơn dòng ER (Estrogen Receptor) EP1 dòng EP1 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	3	Lọ
18	HC18	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch PR	Kháng thể đơn dòng PR PgR 636 dòng PgR 636 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	3	Lọ
19	HC19	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch HER	Kháng thể đa dòng Her2 dạng cô đặc 0,2ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN ₃	3	Lọ
20	HC20	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CK20	Kháng thể đơn dòng CK20 dòng Ks20.8 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
21	HC21	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD3	Kháng thể đa dòng CD3 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
22	HC22	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD10	Kháng thể đơn dòng CD10 dòng 56C6 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
23	HC23	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch BCL2	Kháng thể đơn dòng BCL2 dòng 124 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ



[Handwritten signature]

STT	Mã HH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
24	HC24	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch HHF35	Kháng thể đơn dòng Muscle Actin dòng HHF35 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
25	HC25	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch HMB45	Kháng thể đơn dòng HMB45 Melanosome dòng HMB-45 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
26	HC26	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD21	Kháng thể đơn dòng CD21 dòng 1F8 dạng cô đặc 1ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3	1	Lọ
27	HC27	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD23	Kháng thể đơn dòng CD23 dòng DAK-CD23 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
28	HC28	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch ALK	Kháng thể đơn dòng CD246 ALK dòng ALK1 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
29	HC29	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD5	Kháng thể đơn dòng CD5 dòng 4C7 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
30	HC30	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD79	Kháng thể đơn dòng CD79a dòng JCB117 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
31	HC31	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD20	Kháng thể đơn dòng CD20 dòng L26 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
32	HC32	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD34	Kháng thể đơn dòng CD34 dòng QBEnd 10 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
33	HC33	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch DESMIN	Kháng thể đơn dòng Desmin dòng D33 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ

STT	Mã HH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
34	HC34	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch MYF4(Myogenin)	Kháng thể đơn dòng Myogenin dòng F5D dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	2	Lọ
35	HC35	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CALDESMON	Kháng thể đơn dòng Caldesmon dòng h-CD dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
36	HC36	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch MELAN A	Kháng thể đơn dòng Melan A dòng A103 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
37	HC37	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CHROMOGRANIN	Kháng thể đơn dòng Chromogranin A dòng DAK-A3 dạng cô đặc 1ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3	1	Lọ
38	HC38	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch SYNAPTOPHYSIN	Kháng thể đơn dòng Synaptophysin dòng DAK-SYNAP dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
39	HC39	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch MUM1	Kháng thể đơn dòng MUM1 dòng MUM1p dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
40	HC40	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CK5/6	Kháng thể đơn dòng CK5/6 dòng D5/16 B4 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	2	Lọ
41	HC41	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch P63	Kháng thể đơn dòng p63 dòng DAK-p63 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
42	HC42	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD56	Kháng thể đơn dòng CD56 dòng 123C3 dạng cô đặc 1ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3	1	Lọ
43	HC43	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch BCL6	Kháng thể đơn dòng BCL6 dòng PG-B6p dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ

TIN
H V
BU
HỆ
★

STT	Mã HH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
44	HC44	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CALRETININ	Kháng thể đơn dòng Calretinin dòng DAK-Calret 1 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	2	Lọ
45	HC45	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CYCLIN D1	Kháng thể đơn dòng Cyclin D1 dòng EP12 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
46	HC46	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CK19	Kháng thể đơn dòng CK19 dòng RCK108 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
47	HC47	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD68	Kháng thể đơn dòng CD68 dòng PG-M1 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
48	HC48	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch MAMMAGLOBIN	Kháng thể đơn dòng Mammaglobin dòng 304-1A5 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
49	HC49	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CDX2	Kháng thể đơn dòng CDX2 dòng DAK-CDX2 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
50	HC50	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CALCITONIN	Kháng thể đa dòng Calcitonin dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
51	HC51	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch HEPA 1	Kháng thể đơn dòng Hepatocyte dòng OCH1E5 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
52	HC52	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch THYROGLOBULIN	Kháng thể đa dòng Thyroglobulin dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
53	HC53	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch CD1a	Kháng thể đơn dòng CD1a dòng 010 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	1	Lọ
54	HC54	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch TdT	Kháng thể đơn dòng TDT (Terminal Deoxynucleotidyl Transferase) dòng EP266 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở	1	Lọ

STT	Mã HH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
			dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.		
55	HC55	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch MLH1	Kháng thể đơn dòng MLH1 (MutL Protein Homolog 1) dòng ES05 dạng cô đặc 1ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN ₃	3	Lọ
56	HC56	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch HSH2	Kháng thể đơn dòng MSH2 (MutS Protein Homolog 2) dòng FE11 dạng cô đặc 1ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN ₃	3	Lọ
57	HC57	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch PMS2	Kháng thể đơn dòng PMS2 (Postmeiotic Segregation Increased 2) dòng EP51 dạng cô đặc 1ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN ₃	3	Lọ
58	HC58	Kít nhuộm hóa mô miễn dịch MSH6	Kháng thể đơn dòng MSH6 (MutS Protein Homolog 6) dòng EP49 dạng cô đặc 1ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN ₃	3	Lọ
59	HC59	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu	Thành phần: Polymethine 0.002%; Ethylene Glycol 96.9%; Methanol 3.0% Hộp: 2 x 42ml	52	Hộp
Tổng cộng: 59 mặt hàng					



Handwritten signature or mark.

Phụ lục 2. Mẫu báo giá



BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Nghệ An

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (trên đơn vị tính, bao gồm chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế phí, lệ phí nếu có) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thuế VAT (%)	Thành tiền (VND)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(7) x (8)
1												
2												
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan đến các thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày, kể từ ngày 09/8/2023

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.



- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(4), (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính của thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế, đơn giá bao gồm các chi phí cho các dịch vụ liên quan và thuế phí, lệ phí (nếu có).

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể thuế VAT (%) của từng thiết bị y tế

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị thành tiền cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột bằng số lượng (cột (7)) nhân với đơn giá (cột (8)).

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

U

